

**ĐỀ ÁN**

**Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại  
06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam**  
Trình tại kỳ họp thứ 14, tháng 12 năm 2019

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)*

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

**I. Cơ sở pháp lý**

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ VII, khóa XXI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 05/4/2016;

Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030;

Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới;

Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Quyết định số 5450/QĐ-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định tạm thời đối với sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học;

Kế hoạch số 2406/KH-UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về Kế hoạch triển khai Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## **II. Thực trạng về thể chất và chế độ dinh dưỡng của trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam**

### **1. Cấp học mầm non**

a) Quy mô trường lớp (*số lượng tính đến thời điểm tháng 10/2019*)

- Tổng số trường mầm non, mẫu giáo<sup>1</sup> thuộc 06 huyện miền núi cao: 56 trường mầm non, mẫu giáo công lập, không có trường tư thục; trong đó có 11 trường mầm non và 45 trường mẫu giáo.

- Tổng số nhóm lớp: 523 nhóm lớp, trong đó:

+ Nhóm trẻ: 23 nhóm (11 nhóm trong trường công lập và 12 nhóm độc lập tư thục);

+ Lớp mẫu giáo: 500 lớp mẫu giáo trong trường công lập (*không có lớp mẫu giáo tư thục*).

- Tổng số trẻ mầm non<sup>2</sup> đến trường: 11.951/ 22.490 trẻ, tỷ lệ 53,1%.

Trong đó:

+ Trẻ nhà trẻ: 383/ 9.548 trẻ, tỷ lệ 4,0% (*Công lập: 232 trẻ, Ngoài công lập 151 trẻ*), thấp hơn tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ toàn tỉnh 22,6%.

+ Trẻ mẫu giáo: 11.568/ 12.942 trẻ, tỷ lệ 89,4% (*Công lập: 11.568 trẻ*); thấp hơn tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo toàn tỉnh 0,1%.

b) Chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng

Công tác tổ chức bán trú trong trường mầm non đóng vai trò rất lớn trong việc phát triển toàn diện cho trẻ nói chung và phát triển thể chất trẻ nói riêng. Trẻ đến trường được tổ chức bán trú sẽ có chế độ ăn giàu dinh dưỡng, có sức khỏe phát triển bình thường, góp phần giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi. Tuy nhiên, tổng số trường tổ chức bán trú cho trẻ tại 6 huyện miền núi cao hiện nay chỉ có 38/56 trường, tỷ lệ 67,9% (*thấp hơn 25,7% tỷ lệ trường mầm non tổ chức bán trú của toàn tỉnh*) và nhóm lớp tổ chức bán trú chiếm tỷ lệ 50,9% (*có 266/523 nhóm lớp, tỷ lệ thấp hơn toàn tỉnh 40,6%*). Bên cạnh đó, số tiền sử dụng cho trẻ ăn bán trú phần lớn vận dụng nguồn hỗ trợ từ Nghị định 06/2018/NĐ-CP<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê giáo dục và đào tạo quy định:

- Trường mầm non: là cơ sở kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi.

- Trường mẫu giáo: là cơ sở giáo dục mầm non nhận trẻ em từ 3 tuổi đến 6 tuổi

<sup>2</sup>Trẻ mầm non bao gồm trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.

<sup>3</sup>Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

của Chính phủ với mức 10% mức lương tối thiểu/ tháng/ 1 trẻ, nghĩa là mỗi ngày tiền ăn cho trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường chỉ có 6.950 đồng nên tỷ lệ dinh dưỡng trong bữa ăn của trẻ chưa đảm bảo theo Chương trình Giáo dục mầm non. Đây là nguyên nhân dẫn đến chất lượng chăm sóc trẻ của 6 huyện miền núi cao thấp hơn so với các huyện đồng bằng, vùng thuận lợi của toàn tỉnh.

Thực trạng sức khỏe trẻ mầm non tại 06 huyện miền núi cao đầu năm học 2019-2020:

	Trẻ nhà trẻ			Trẻ mẫu giáo		
	Số lượng	Tỷ lệ	So với toàn tỉnh	Số lượng	Tỷ lệ	So với toàn tỉnh
Số trẻ đến trường được tổ chức ăn bán trú	383/383	100%	Bằng nhau	6.157/11.562	53,2%	thấp hơn 37,6%
Số trẻ phát triển bình thường về cân nặng	301/341	88,3%	thấp hơn 2,5%	10007/11.562	85,6%	thấp hơn 5%
Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	40/341	11,7%	cao hơn 2,5%	1555/11.562	13,4%	cao hơn 4%
Số trẻ phát triển bình thường về chiều cao	299/341	87,7%	thấp hơn 2,7%	9942/11.562	86%	thấp hơn 4,5%
Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi	42/341	12,3%	cao hơn 2,7%	1620/11.562	14%	cao hơn 4,5%

## 2. Cấp học tiểu học

### a) Quy mô trường lớp

- Tổng số trường của 06 huyện miền núi cao: 69 trường (*trong đó: Trường TH: 53 trường; Trường TH&THCS: 16 trường*)

- Tổng số học sinh đến trường: 19.802/19822 học sinh, tỷ lệ 99,9%.

Trong đó:

- + Khối lớp 1: 4.484 học sinh;
- + Khối lớp 2: 4.059 học sinh;
- + Khối lớp 3: 3.625 học sinh;
- + Khối lớp 4: 3.840 học sinh;
- + Khối lớp 5: 3.794 học sinh.

### b) Chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng

Học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam có tốc độ tăng trưởng chậm về chiều cao và cân nặng (*khoảng 80% học sinh có chỉ số tăng trưởng thấp hơn so với độ tuổi*), nhất là đối với trẻ thuộc địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ ở những trường tổ chức bán trú tại 6 huyện miền núi cao còn gặp khó khăn, do tiền ăn thấp so với giá cả thực phẩm luôn biến động như hiện nay, chưa thực sự đảm bảo chất lượng dinh dưỡng. Bên cạnh đó, chế

độ ăn không đầy đủ các chất dinh dưỡng hoặc chất lượng quá kém trong các bữa ăn từ gia đình dẫn đến thể trạng nhiều trẻ chưa đạt yêu cầu so với độ tuổi, chiều cao trung bình của trẻ tuổi nhập học (6 tuổi) không tăng so với thời điểm năm 2010.

### **III. Sự cần thiết của việc xây dựng Đề án**

Do địa hình cách trở, giao thông không thuận lợi nên kinh tế xã hội ở 06 huyện miền núi cao của tỉnh Quảng Nam tuy có những bước phát triển nhưng vẫn còn gặp phải những khó khăn nhất định. Tình trạng suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học vẫn còn xảy ra và có sự chênh lệch khá cao so với trẻ em ở đồng bằng.

Đối với trẻ mầm non và tiểu học, ngoài những bữa ăn chính, trẻ cần có các bữa ăn phụ để cung cấp bổ sung chất dinh dưỡng và năng lượng, giúp trẻ tăng trưởng, cải thiện chiều cao.

Sữa tươi là một sản phẩm dinh dưỡng có đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết, giàu đạm, canxi và cung cấp nhiều vitamin, chất khoáng giúp cho sự tăng trưởng tốt về chiều cao của trẻ, đáp ứng với dinh dưỡng học đường cho lứa tuổi mầm non và tiểu học, nhất là đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn miền núi – nơi trẻ em còn nhiều thiệt thòi so với các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố.

Do vậy, việc xây dựng Đề án Chương trình Sữa học đường cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam là hết sức cần thiết.

## **Phần thứ hai**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung**

Thực hiện Chương trình Sữa học đường nhằm bổ sung dinh dưỡng và các vi chất cần thiết góp phần phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học, thông qua đó góp phần cải thiện tầm vóc thể hệ tương lai của thanh thiếu niên tỉnh Quảng Nam.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng, cha, mẹ, người chăm sóc về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em, đặc biệt là bữa ăn học đường và sử dụng các sản phẩm sữa phù hợp theo nhóm tuổi.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học công lập và ngoài công lập tại 06 huyện miền núi cao của tỉnh Quảng Nam bao gồm: Nam Trà My, Bắc Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn tổ chức triển khai Chương trình Sữa học đường.

- 100% trẻ mầm non, học sinh tiểu học học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập và ngoài công lập tại 06 huyện miền núi cao của tỉnh Quảng Nam được uống sữa 5 lần/tuần và thời gian thực hiện 9 tháng (*bằng 35 tuần thực học tại*

trường) trong năm học; trẻ em nhà trẻ mỗi lần 1 hộp 110ml, trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học mỗi lần 1 hộp 180ml.

- 100% bố, mẹ, người chăm sóc trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học tại 06 huyện miền núi cao được truyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học trên địa bàn của 06 huyện miền núi cao, trung bình 0,3% mỗi năm.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học trên địa bàn của 06 huyện miền núi cao, trung bình 0,4% mỗi năm.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế học đường, cộng tác viên của các đơn vị tham gia đề án thuộc 06 huyện miền núi cao được tham gia các lớp tập huấn, có kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng (*đặc biệt là về sữa học đường*) cho trẻ em trong trường học.

- 100% các cơ sở giáo dục tham gia Đề án thuộc 06 huyện miền núi cao thực hiện tốt công tác quản lý Chương trình sữa học đường và tổ chức cho trẻ uống sữa tại trường; có cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm.

- Góp phần tăng chiều cao trung bình của trẻ 6 tuổi từ 1,5 - 2 cm so với năm 2010.

## **II. Đối tượng, thời gian, định mức thụ hưởng**

### **1. Đối tượng thụ hưởng**

Trẻ nhà trẻ (*từ 12 đến 36 tháng*), trẻ mẫu giáo (*từ 3-6 tuổi*) và học sinh tiểu học (*từ lớp 1 đến lớp 5*) đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (*đã được cấp phép*) trên địa bàn các huyện miền núi cao: Nam Trà My, Bắc Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn

### **2. Thời gian thụ hưởng**

Kể từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2022 (*trương ứng với Học kỳ II năm học 2019-2020 và hai năm học: 2020-2021, 2021-2022*).

### **3. Định mức thụ hưởng**

- Trẻ nhà trẻ: Mỗi ngày được uống 1 hộp 110ml, uống 05 lần/tuần trong thời gian 9 tháng đi học/năm học.

- Trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học: Mỗi ngày được uống 1 hộp 180ml, uống 05 lần/tuần trong thời gian 9 tháng đi học/năm học.

### **4. Dự kiến số trẻ mầm non và học sinh tiểu học được thụ hưởng**

Từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2022 có khoảng 100.186 học sinh; trong đó có 1.421 trẻ nhà trẻ, 36.231 trẻ mẫu giáo và 62.534 học sinh tiểu học. Số liệu thụ hưởng thực tế được điều chỉnh cụ thể trong các năm triển khai thực hiện Đề án.

*(Chi tiết theo biểu phụ lục 4,5 đính kèm)*

## **III. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện**

## **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Thành lập Ban chỉ đạo Đề án, bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban; Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo làm Phó ban; Lãnh đạo các Sở: Y tế, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi cao của tỉnh là thành viên.

- Tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án hằng năm.

- Phối hợp chặt chẽ các đơn vị trong ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo, các Sở, ban, ngành liên quan và đơn vị cung cấp sữa thực hiện các hoạt động truyền thông vận động sử dụng sữa cho trẻ góp phần nâng cao thể lực và trí tuệ của trẻ em.

- Huy động sự tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân đóng góp, hỗ trợ nguồn lực thực hiện Đề án. Đặc biệt quan tâm triển khai tại các trường mầm non và tiểu học vùng khó khăn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng sữa; sử dụng các nguồn lực đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí. Kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình giao nhận, bảo quản, phân phối sữa và tổ chức thực hiện cho trẻ uống sữa tại trường, quan tâm đến các đơn vị trường học có nhiều điểm trường.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết theo đúng lộ trình thực hiện của Đề án.

## **2. Coi trọng công tác truyền thông về Chương trình Sữa học đường**

- Truyền thông về ý nghĩa xã hội, vai trò lợi ích và tầm quan trọng của Đề án Chương trình Sữa học đường cho các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý, qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và tăng cường nguồn lực thực hiện Đề án.

- Thông tin, tuyên truyền về tầm quan trọng của dinh dưỡng và sử dụng các sản phẩm sữa phù hợp với lứa tuổi đối với việc phát triển tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em cho phụ huynh học sinh, người chăm sóc trẻ, giáo viên và học sinh. Chú trọng tuyên truyền việc triển khai, thực hiện Đề án tại các địa bàn khó khăn, xa trung tâm.

- Thông tin về các loại sữa tươi trong Chương trình Sữa học đường đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

- Hình thức truyền thông đa dạng, trực tiếp và gián tiếp trên hệ thống báo, đài, tổ chức các sự kiện truyền thông như: Triển lãm đồ dùng dạy học từ vỏ hộp sữa, tổ chức ngày hội sữa học đường, tổ chức tuần lễ dinh dưỡng, các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn dinh dưỡng, pano, áp phích, khẩu hiệu, băng rôn...

- Thông tin tuyên truyền việc duy trì uống sữa tươi đúng tiêu chuẩn và đủ số lượng trong thời gian nghỉ hè cho cha mẹ trẻ mầm non và học sinh tiểu học để đảm bảo chương trình được thực hiện liên tục, góp phần đạt mục tiêu của Đề án.

- Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông về Đề án Chính sách hỗ trợ Chương trình sữa học đường qua các phương tiện thông tin địa phương của 06 huyện núi cao, xây dựng chuyên mục về Chương trình Sữa học đường đối với chương trình phát thanh địa phương.

### **3. Tăng cường trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện và kiểm định chất lượng sữa**

- Tổ chức các lớp tập huấn nhằm tăng cường trách nhiệm quản lý trong việc thực hiện Chương trình; vận động, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Sữa học đường cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ y tế phụ trách triển khai Chương trình tại các trường mẫu giáo, tiểu học. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục cho học sinh lợi ích của việc uống sữa.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên tại các trường mẫu giáo và tiểu học về các nội dung liên quan đến Sữa học đường.

- Các nhà trường có kế hoạch hằng tháng đồng thời lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm. Thông qua cuộc họp, vận động phụ huynh tự nguyện, tích cực tham gia Chương trình.

- Tăng cường trách nhiệm của cơ quan y tế, cơ sở giáo dục tại địa phương trong việc thực hiện giám định cụ thể khi xảy ra sự cố trong quá trình triển khai thực hiện.

### **4. Tổ chức lựa chọn nhà cung cấp**

Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp sữa giao Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo Luật Đấu thầu hiện hành.

## **Phần thứ ba**

### **KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. Kinh phí**

##### **1. Nguồn kinh phí**

Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện.

##### **2. Ước tổng kinh phí thực hiện Đề án**

- Ước tổng nguồn kinh phí thực hiện: Kể từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2022 (tương ứng với Học kỳ II năm học 2019-2020 và hai năm học tiếp theo): **110.885.235.000 đồng** (Phụ lục 1, 2, 3).

- Ước thực hiện mỗi năm :

+ Từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2020 (Học kỳ II năm học 2019-2020) : 20.414.873.000 đồng.

+ Từ tháng 09/2020 đến hết tháng 5/2021 (Năm học 2020-2021) : 45.770.024.000 đồng.

+ Từ tháng 09/2021 đến hết tháng 5/2022 (Năm học 2021-2022)  
: 44.700.338.000 đồng.

- Nội dung chi:

+ Chi phí mua sữa: 109.418.235.000 đồng

(Phụ lục 2, 2a, 2b, 2c, 3, 3a, 3b, 3c).

+ Chi phí hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện:  
1.467.000.000 đồng.

- Đơn giá 01 hộp sữa tạm tính là 7.500 đồng/hộp = 180ml và 4.500 đồng/hộp = 110ml (có thuế giá trị gia tăng và được vận chuyển đến từng điểm trường).<sup>4</sup>

## **II. Tổ chức thực hiện Đề án**

### **1. Ban Chỉ đạo Đề án**

Ban Chỉ đạo Đề án chỉ đạo xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án chi tiết hàng năm, tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh từ cơ sở. Tổ chức giao ban định kỳ, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

Tham mưu UBND tỉnh trình thường trực HĐND tỉnh quyết định thời gian tiếp tục thực hiện Đề án sau khi tổ chức tổng kết đánh giá việc thực hiện Đề án giai đoạn 2020-2022.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức, thực hiện; tham mưu xây dựng Kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo, tổ giúp việc thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp sữa theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất cơ chế thanh quyết toán đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập tham gia thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Sở Y tế giám sát, kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng sữa và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các Sở, ngành có liên quan và nhà cung cấp sữa xây dựng quy trình quản lý, sử dụng sản phẩm, xử lý rác thải và chỉ đạo tổ chức hướng dẫn cho các cơ sở giáo dục thực hiện.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và nhà cung cấp sữa tổ chức triển khai thực hiện truyền thông giáo dục dinh dưỡng, lợi ích của việc sử dụng sữa tươi hàng ngày.

---

<sup>4</sup> Giá thực tế của sản phẩm thực hiện Đề án theo giá trúng thầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đề xuất các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện Đề án.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức quán triệt, triển khai, tập huấn và học tập kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các bộ phận tham gia thực hiện Đề án.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất giải pháp xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **3. Sở Y tế**

- Giám sát việc cung ứng sữa đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và an toàn thực phẩm. Hướng dẫn xây dựng quy trình giám sát, giải quyết ngộ độc thực phẩm và triển khai điều tra, giám sát, xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Chủ trì thực hiện kiểm tra, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm sữa định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu, khi phát hiện sản phẩm không đạt yêu cầu thì kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thay đổi nhà cung cấp sữa.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế và đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ sở giáo dục đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ theo từng giai đoạn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

### **4. Sở Tài chính**

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

- Chủ trì hướng dẫn các đơn vị có liên quan quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định. Thẩm định giá sản phẩm sữa thực hiện Đề án.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn doanh nghiệp cung cấp sữa theo quy định của pháp luật.

### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan báo chí, bản tin, trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về Đề án, lợi ích của việc sử dụng sữa cho trẻ em và các hoạt động triển khai trên địa bàn Tỉnh.

### **6. Các Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc khác của tỉnh**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam và các tổ chức chính trị xã hội: Tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án.

## **7. Ủy ban nhân dân 06 huyện miền núi cao**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo của huyện để chỉ đạo, tổ chức triển khai các nội dung của Đề án tại địa bàn; bố trí nguồn kinh phí theo Đề án được duyệt và sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành. Huy động các nguồn lực khác tại địa bàn để thực hiện có hiệu quả.

b) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ phục vụ triển khai thực hiện Đề án và thường xuyên theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ mầm non và học sinh tiểu học, báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

- Phối hợp các đơn vị y tế địa phương và đơn vị có liên quan trong việc đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ theo từng giai đoạn.

- Chỉ đạo Hiệu trưởng các trường mầm non, chủ cơ sở nhóm, lớp mầm non độc lập, tư thục và tiểu học trên địa bàn:

+ Phối hợp tuyên truyền để cha mẹ học sinh hiểu lợi ích của việc uống sữa và tổ chức cho học sinh uống sữa theo Đề án.

+ Bố trí kho để sản phẩm đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm và thực hiện quản lý, sử dụng sản phẩm, xử lý rác thải và thực hiện các nội dung của Đề án đúng quy trình được hướng dẫn. Phối hợp đơn vị cung cấp sữa đảm bảo cơ sở vật chất và vệ sinh môi trường khi triển khai thực hiện Đề án.

+ Đầu mối tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị của phụ huynh học sinh trong quá trình thực hiện và phản ánh với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết kịp thời.

+ Mời Ban Đại diện cha mẹ học sinh tham gia giám sát sản phẩm sữa của đơn vị cung cấp và thực hiện uống sữa của con em tại trường.

+ Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện ở địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

c) Chỉ đạo phòng y tế:

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Dân số - Y tế góp phần hoàn thành các mục tiêu Đề án.

- Cử nhân viên y tế tham gia các khóa Đào tạo nâng cao năng lực; kết hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tăng cường giáo dục dinh dưỡng và giáo dục thể chất trong hệ thống trường học.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp với các cơ sở giáo dục đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ theo từng giai đoạn.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sữa cung cấp định kỳ hoặc đột xuất.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai tốt các nội dung của Đề án tại địa bàn, đồng thời tuyên truyền, vận động các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội tại địa phương và cha mẹ học sinh ủng hộ thực hiện.

### **8. Đơn vị cung cấp sữa**

- Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý rác thải và phí hành chính khác (*sổ sách, hóa đơn, công tác kế toán, phần mềm theo dõi, phí thuê nhân công bốc vác, chuyển sữa đến các điểm trường lẻ...*).

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm của trường đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy trình quản lý, sử dụng sản phẩm, xử lý rác thải khi thực hiện Đề án và tổ chức hướng dẫn cho các nhà trường thực hiện.

- Phối hợp với Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền Đề án trên địa bàn các huyện được triển khai;

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ, nhân viên để triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá sức khỏe, thể lực học sinh trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan, hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát, tập huấn, tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả của Đề án./.